

# Pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay

Phạm Hải Sơn

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

## TÓM TẮT

*Trước bối cảnh phát triển nền tri thức số, kinh tế số toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng như hiện nay, chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo là xu thế tất yếu. Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, hầu hết các quy định này mới là những quy định khá chung chung, mang tính định hướng hơn là đưa ra các giải pháp cụ thể, chi tiết góp phần hạn chế những vướng mắc, bất cập khi triển khai chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Trong bài viết này, tác giả sẽ hệ thống hóa tương đối đầy đủ các quy định pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, chỉ ra những bất cập khi thực hiện pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật có liên quan.*

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, giáo dục đào tạo, pháp luật về chuyển đổi số

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, công nghệ nói chung, công nghệ thông tin nói riêng có vai trò ngày càng quan trọng vào mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, góp phần làm thay đổi cơ bản cách thức con người sống, làm việc và giao tiếp với nhau. Chính trong bối cảnh đó, chúng ta hay nhắc đến các thuật ngữ như “công nghệ số”, “chuyển đổi số”. Chuyển đổi số là “việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức” [1, tr.15]. Chuyển đổi số tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế, xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy với mục đích quan trọng nhất giúp nâng cao trải nghiệm của người học và chất lượng đào tạo; cải thiện phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cách thức quản lý giáo dục cũng như tạo môi trường giáo dục để cả người dạy và người học có thể thực hiện công việc của mình một cách thuận tiện nhất. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục bao gồm hai mảng lớn là chuyển đổi số trong dạy, học và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý giáo dục. Trong dạy, học, chuyển đổi số bao gồm các

hoạt động tiêu biểu như: số hóa nguồn học liệu (Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác); thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, hệ thống đào tạo trực tuyến... và việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy, học. Trong quản lý giáo dục, chuyển đổi số bao gồm các hoạt động như số hóa thông tin quản lý (thông tin về người dạy, người học; đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục; quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực giáo dục; ứng dụng công nghệ mới nhất để hỗ trợ bảo đảm việc đào tạo, đánh giá, kiểm tra, công nhận kết quả và cấp bằng, chứng chỉ là đúng đối tượng...), từ đó, tạo ra hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công (trong lĩnh vực giáo dục) trực tuyến, ứng dụng công nghệ 4.0... để quản lý, điều hành hoạt động giáo dục một cách hiệu quả.

Chuyển đổi số góp phần tạo ra hệ sinh thái đào tạo hiện đại, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo của từng cơ sở đào tạo nói riêng, từ đó, nâng cao chất lượng của ngành giáo dục nói chung, góp phần phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

Tác giả liên hệ: Phạm Hải Sơn

Email: [sonph@hiu.vn](mailto:sonph@hiu.vn)

Có thể hình dung những lợi ích mà chuyển đổi số đem lại cho hoạt động giáo dục đào tạo như sau: *Trước hết*, chuyển đổi số mang đến cơ hội học tập linh động cho người học. Người học có thể học tập ở không gian và thời gian phù hợp nhất miễn là có sự trang bị của các thiết bị học tập công nghệ như máy vi tính, điện thoại thông minh mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian tổ chức lớp học truyền thống trước đây. *Thứ hai*, chuyển đổi số tạo ra kho học liệu mở khổng lồ, giúp cho người dạy và người học cơ hội truy cập vào các tài nguyên giảng dạy, học tập một cách dễ dàng và ít tốn kém. *Thứ ba*, trong chuyển đổi số, cả người dạy và người học được trao quyền để sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy, học tập ngay cả khi giờ học đang diễn ra hay trong quá trình tự nghiên cứu, học tập, góp phần tăng cường tính tương tác và trải nghiệm thực tế. *Thứ tư*, trong công tác quản lý giáo dục, hệ thống trực tuyến sẽ giúp người dạy lưu trữ thông tin của người dạy, người học một cách minh bạch và khoa học. Người học cũng có thể dễ dàng tiếp cận với hồ sơ giảng dạy, nghiên cứu của người dạy, hồ sơ học tập lịch sử học tập, bảng điểm của bản thân. Ngoài ra, còn rất nhiều lợi ích khác mà chuyển đổi số mang lại cho giáo dục đào tạo như góp phần giảm bớt chi phí đào tạo; tăng tính tương tác, thực hành - ứng dụng, ...

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo được thúc đẩy bởi nhiều nhân tố khác nhau như: sự quyết tâm của các chủ thể có liên quan; trình độ phát triển khoa học, công nghệ của đất nước; sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo... Trong đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật có ý nghĩa quan trọng bởi nó tạo ra cơ sở pháp lý, xác định phạm vi, ranh giới của các hoạt động hợp pháp, đồng thời, tạo ra cơ chế để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Nhìn chung, các quy định pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã tạo ra khuôn khổ pháp lý để các chủ thể có liên quan thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhận thấy rằng, các quy định này chủ yếu mang tính định hướng hơn là đưa ra các quy định cụ thể về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, đồng thời chưa thể giải quyết một số bất cập, hạn chế có thể nảy sinh trong thực tiễn tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

## 2. TỔNG QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục vừa là một

trong số định hướng đổi mới giáo dục ở nước ta, đồng thời là xu thế tất yếu của thời đại, do vậy, cho đến nay, đã có rất nhiều nghiên cứu có liên quan đến nội dung này. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, các công trình nghiên cứu liên quan đến quy định pháp luật và thực trạng thực thi pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục chưa cho thấy sự đa dạng và phong phú. Hầu hết các công trình nghiên cứu tập trung vào các khía cạnh có liên quan về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo như vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân hay bảo vệ quyền tác giả.

Trên cơ sở sử dụng các phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích luật học, tác giả luận giải các quy định pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, chỉ ra những hạn chế, bất cập điển hình và đề ra một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng thực thi pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát quy định pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

Nhận thấy lợi ích to lớn của chuyển đổi số đối với sự phát triển đất nước, ngay từ những năm 2000, Đảng, Nhà nước ta đã luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, xác định đây là động lực góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới tạo khả năng đi tắt, đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong số các giải pháp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo được *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo* đã xác định “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học” [2]. Xuất phát từ chủ trương này, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngành giáo dục đào tạo nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Trong đó, đáng lưu ý hiện nay là các Chương trình, Đề án quốc gia về chuyển đổi số có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo như:

- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến

năm 2025”. Trong đó nhấn mạnh mục tiêu “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở trung ương và các địa phương; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” [3].

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó nhấn mạnh mục tiêu: *“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”* [4].
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong nội dung mục tiêu đến năm 2025 một số vấn đề cơ bản để giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế, xã hội đã xác định: *“Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới”, đồng thời xác định một trong số các nhiệm vụ trọng tâm quốc gia là “Bảo đảm môi trường pháp lý để mọi người dân, doanh nghiệp tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số, được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, được sử dụng mã số điện tử gắn với QR code thuận lợi...”* [5].

Bên cạnh đó là hàng loạt chính sách thúc đẩy chuyển đổi số đã được Ngành giáo dục ban hành,

dẫn hoàn thiện hành lang pháp lý cho chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục như:

- Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, trong đó quy định khá chi tiết, cụ thể về các nguyên tắc, điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, nội dung đào tạo qua mạng, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử, đội ngũ cán bộ triển khai đào tạo qua mạng [6] ... Cần nhấn mạnh rằng, trong Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã xác định rõ việc sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý đào tạo phải tuân theo quy chế, bản chất đào tạo. Điều này có nghĩa là công nghệ thông tin chỉ là phương tiện để tổ chức, quản lý đào tạo, chứ bản chất của đào tạo không thay đổi.
- Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, trong đó có các quy định cụ thể, chi tiết về yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo từ xa, vấn đề tuyển sinh, đặt trạm đào tạo từ xa, tổ chức và quản lý đào tạo từ xa, đánh giá kết quả học tập, xếp hạng tốt nghiệp, cấp phát văn bằng, chứng chỉ, trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, quyền và trách nhiệm của giảng viên, của người học [7] ...
- Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo trong đó có quy định về hệ thống thông tin cung cấp trong cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo ở các cấp học mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học và đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng. Trong đó có các thông tin cơ bản như: Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục, thông tin hệ thống lớp học, thông tin danh mục ngành đào tạo, thông tin chương trình đào tạo, thông tin đội ngũ, thông tin người học, thông tin khoa học công nghệ, thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục, thông tin tài chính, thông tin hợp tác quốc tế, hợp tác với doanh nghiệp, các thông tin khác theo quy định của Bộ và các cơ quan quản lý có thẩm quyền [8].

Ngoài ra, còn có nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành khác thể hiện chủ trương chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo với mục đích giúp học sinh sớm tiếp cận với các kiến thức, kỹ năng mới ở trong và ngoài nước.

Có thể nói rằng, các văn bản nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng, tạo ra khuôn khổ và hành lang pháp

lý cho chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Đây là các quy định mang tính nền tảng, đưa chủ trương chuyển đổi số vào thực tế, để trở thành hành động cụ thể, thiết thực của mọi chủ thể trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

### 3.2. Một số kết quả đã đạt được trong thực hiện pháp luật về chuyển đổi số đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo

Xác định vai trò quan trọng của chuyển đổi số, trong thời gian qua, ngành Giáo dục đã ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào dạy, học và quản lý giáo dục góp phần chuyển đổi mạnh mẽ, xây dựng nền giáo dục thông minh, hiệu quả. Cùng với sự quyết tâm mạnh mẽ trong chuyển đổi số của ngành giáo dục, tác động trực tiếp của đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đã buộc ngành giáo dục và đào tạo phải chuyển đổi số nhanh chóng để thích ứng với tình thế bất ngờ, chưa từng có trong lịch sử, khi toàn thể học sinh, sinh viên trong cả nước phải tạm dừng đến trường, chuyển sang học trực tuyến. Trong bối cảnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với sự ra đời của rất nhiều các ứng dụng, phần mềm trực tuyến hỗ trợ dạy – học, nền tảng số đã trở thành những yếu tố quan trọng giúp cho quá trình chuyển đổi số của ngành giáo dục diễn ra thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả hơn. Chuyển đổi số đã đem lại những thay đổi tích cực trong việc dạy – học cũng như trong công tác quản lý của ngành giáo dục.

Về dạy - học, giáo viên toàn ngành được huy động tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số toàn ngành; đóng góp lên Hệ tri thức Việt số hóa gần 5,000 bài giảng điện tử E-learning có chất lượng, kho luận văn tiến sĩ với gần 7,000 luận văn, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với trên 31,000 câu hỏi... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh học tập suốt đời. Trong quản lý giáo dục, toàn ngành đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Trung ương đến 63 Sở Giáo dục đào tạo, 710 Phòng Giáo dục đào tạo và khoảng 53,000 cơ sở giáo dục. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của khoảng 53,000 trường học, 1.4 triệu giáo viên, 23 triệu học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn ngành; giúp các cấp quản lý ban hành chính sách quản lý có hiệu quả, vừa qua đã góp phần giải quyết vấn đề thừa thiếu giáo viên ở các Nhà trường theo từng địa phương, môn học. Khối phổ thông khoảng 82% các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học, số điểm điện tử, học bạ điện tử và hầu hết các cơ sở giáo

dục đại học đều sử dụng phần mềm quản trị Nhà trường. Hệ thống quản lý hành chính điện tử kết nối 63 Sở Giáo dục đào tạo và hơn 300 trường đại học, cao đẳng trên cả nước với Bộ GDĐT hoạt động thông suốt, ổn định, phát huy hiệu quả tích cực [9].

### 3.3. Một số hạn chế, bất cập trong thực hiện pháp luật về chuyển đổi số đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo

Bên cạnh các kết quả khả quan đã đạt được nêu trên, thực tiễn thực hiện pháp luật về chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay nổi lên hai vấn đề khá “nóng” là bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học và bảo vệ quyền tác giả, bảo đảm liêm chính khoa học trong giảng dạy, học tập.

*Trước hết nói về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân người học.* Theo quy định của pháp luật hiện hành, dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Dữ liệu cá nhân cơ bản bao gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có); Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ; Hình ảnh của cá nhân; Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế; Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái). Dữ liệu cá nhân nhạy cảm là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm: quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo; thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc; thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân; thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân [10, khoản 1 Điều 2].

Hiện tại, các pháp luật về chuyển đổi số trong giáo dục chưa có quy định nào đề cập trực tiếp đến cơ chế, biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân người học mà các cơ sở đào tạo là bên kiểm soát, xử lý dữ liệu. Do vậy, để bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học trong bối cảnh chuyển đổi số, phải căn cứ vào các quy định như Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này. Trong số đó, đặc biệt, quan trọng là quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo quy định, tổ chức, cá nhân có liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân phải áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân để ngăn chặn tình trạng thu thập dữ liệu cá nhân trái phép từ hệ thống, trang thiết bị dịch vụ của mình. Việc thiết lập các hệ thống phần mềm, biện pháp kỹ thuật hoặc tổ chức các hoạt động thu thập, chuyển giao, mua, bán dữ liệu cá nhân không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu là vi phạm pháp luật. Tổ chức, cá nhân thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) khi phát hiện các trường hợp sau: phát hiện hành vi vi phạm pháp luật đối với dữ liệu cá nhân; không bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu hoặc không được thực hiện đúng.

*Mặc dù Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ra đời đã góp phần làm rõ khá nhiều các vấn đề có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, tuy nhiên, có thể thấy rằng hiện nay việc bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học tại các cơ sở đào tạo nói riêng vẫn chưa được thực hiện nghiêm chỉnh. Thực tế cho thấy việc cung cấp, mua bán thông tin cá nhân nói chung, thông tin cá nhân của người học vẫn thường xuyên xảy ra. Phổ biến xảy ra tình trạng phụ huynh có con theo học tại các trường phổ thông nhận được cuộc gọi từ các Trung tâm Tiếng Anh, các trung tâm tin học, toán học... quảng cáo về các khóa học ngắn hạn của các trung tâm này. Đáng báo động gần đây là tình trạng một số phụ huynh tại các cơ sở đào tạo từ bậc tiểu học đến đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội nhận được điện thoại phản ánh con họ bị tai nạn chấn thương sọ não đang cấp cứu trong bệnh viện nên yêu cầu phụ huynh chuyển khoản gấp số tiền từ vài chục triệu đồng đến vài trăm triệu đồng để lo viện phí... Không thể gán trách nhiệm của việc tiết lộ, cung cấp các thông tin cá nhân của người học cho các cơ sở đào tạo, bởi lẽ, cho đến nay, vẫn chưa có kết luận chính thức về nguồn cung cấp thông tin, tuy nhiên, việc kẻ xấu biết chính xác họ tên, lớp học, giáo viên chủ nhiệm và danh tính, số điện thoại của phụ huynh của người học cho thấy việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học là vấn đề đáng báo động. Điều này không chỉ đem lại phiền toái (khi phải trả lời quá nhiều cuộc gọi quảng cáo về các chương trình đào tạo ngắn hạn hay dài hạn) mà còn có thể gây ra những thiệt hại về cả mặt vật*

chất và tinh thần của chính bản thân người học và phụ huynh họ.

*Bên cạnh đó, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP có quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân tùy theo mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự theo quy định [10, Điều 4], tuy nhiên, để xử lý hành vi vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân thì không thể viện dẫn quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP mà cần phải áp dụng quy định của các Luật có liên quan [10, Điều 6]. Trong khi hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam hiện nay còn chưa có sự thống nhất về việc sử dụng thuật ngữ cũng như nội hàm của các thuật ngữ có liên quan đến dữ liệu cá nhân như: “thông tin cá nhân”; “thông tin riêng”, “thông tin riêng tư”, “thông tin số”; “thông tin cá nhân trên môi trường mạng”; “thông tin bí mật đời tư”; “thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình” [11] ... việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học nói riêng là rất khó triển khai trên thực tế. Bởi lẽ, hiện chưa có căn cứ để xác định hành vi vi phạm quy định bảo vệ “dữ liệu cá nhân” là hành vi xâm phạm “bí mật cá nhân” để áp dụng các biện pháp chế tài tương ứng. Đó là chưa kể đến việc Nghị định số 13/2023/NĐ-CP hiện đang còn bỏ sót một chế tài xử lý vi phạm rất quan trọng là chế tài dân sự buộc bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân gây ra. Điều này không đồng nghĩa với việc trong trường hợp có thiệt hại xảy ra, người vi phạm mất đi quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại vì họ hoàn toàn có thể áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Tuy nhiên, hạn chế này cũng cho thấy sự thiếu sót nhất định trong kỹ thuật lập pháp của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.*

Hơn thế nữa, kể cả khi thống nhất các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung trong một văn bản pháp lý chuyên biệt thì việc chưa có quy định cụ thể về dữ liệu cá nhân của người học và bảo vệ dữ liệu cá nhân người học gây khó khăn cho các nhà quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo và chính đội ngũ giảng viên, giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học. Bởi lẽ, khả năng tiếp cận, tuân thủ, thi hành và áp dụng pháp luật quy định pháp luật nói chung, quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học không phải của tất cả mọi người đều như nhau.

*Thứ hai là vấn đề bảo vệ quyền tác giả và bảo đảm*

liêm chính trong học tập, nghiên cứu khoa học. Hiện nay các quy định về bảo vệ quyền tác giả ở nước ta được quy định trong Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Sở hữu trí tuệ (ban hành vào năm 2005, có hiệu lực từ 01/7/2006 và được sửa đổi, bổ sung ba lần vào năm 2009, 2019 và 2022 – sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ), các điều ước quốc tế song phương và đa phương về quyền tác giả, quyền liên quan như: Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học - nghệ thuật (2004), Công ước Genever về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm (2005), Công ước Brussel liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (2006), Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng (2007), Hiệp định TRIPs về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (2007). Theo quy định của các văn bản nêu trên và đặc biệt là quy định của Luật sở hữu trí tuệ, quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả bao gồm các phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác, bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác. Quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản, mà trong đó, quyền công bố hoặc cho người khác công bố và quyền tài sản được bảo hộ trong khoảng thời gian nhất định tùy vào từng loại hình tác phẩm. Trong thời hạn bảo hộ, về nguyên tắc, chủ sở hữu quyền tác giả có quyền khai thác và sử dụng tác phẩm của mình; những chủ thể không phải là chủ thể quyền nếu thực hiện hành vi sử dụng tác phẩm mà không được sự cho phép của chủ thể quyền sẽ bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trừ một số trường hợp ngoại lệ được sử dụng tác phẩm mà không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao [12, Điều 25].

Không thể phủ nhận giá trị to lớn của chuyển đổi số khi tạo ra cơ hội tiếp cận các nguồn học liệu phong phú cho cả người dạy và người học. Khi một tác phẩm được công bố hay được truyền đạt đến công chúng qua mạng thông tin điện tử như truyền tải lên Internet, nó trở thành nguồn thông tin công cộng có thể dễ dàng được truy cập và lan truyền với tốc độ nhanh chóng. Tuy nhiên, có khảo sát chỉ ra rằng, phổ biến hiện nay là tình trạng sinh viên sao chép bài viết của tác giả mà không có trích dẫn nguồn, hoặc trích dẫn các bài viết từ nguồn không xác định trên Internet (chiếm 46%), đặc biệt còn một bộ phận sinh viên (chiếm 10%) không bao giờ trích dẫn tài liệu khi làm các nghiên cứu [13]. Việc không trích dẫn tài liệu tham khảo không chỉ vi

phạm quy định về quyền tác giả mà cho thấy sự không liêm chính trong hoạt động nghiên cứu khoa học, bởi lẽ, vô hình chung hành vi này biến kết quả nghiên cứu của người khác trở thành nội dung nghiên cứu của bản thân người sử dụng tác phẩm. Bên cạnh đó, với sự phát triển của công nghệ thì việc vi phạm bản quyền đối với bài giảng của giảng viên thường xuyên xảy ra, 65% sinh viên được hỏi thích chụp ảnh, ghi âm thậm chí quay clip bài giảng của giảng viên hơn là cầm cúi ghi chép từ đầu đến cuối [6]. Sau đó, sinh viên còn sử dụng các bản ghi âm, ghi hình bài giảng của giảng viên để đưa lên trên các diễn đàn học thuật trực tuyến hoặc các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Tiktok... Hành vi của sinh viên có thể với mục đích chia sẻ kiến thức, tài liệu học tập với bạn bè mà không vì mục đích thương mại, tuy nhiên, khi các chủ thể khác tiếp cận được các tài liệu này, họ có thể sử dụng nó với mục đích phi thương mại, vì vậy, có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý, hình ảnh của giảng viên, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các trường đại học [7]. Trong khi, giảng viên rất khó có thể phát hiện ra hành vi ghi âm, ghi hình bài giảng của mình từ phía sinh viên, đặc biệt là trong điều kiện giảng dạy trực tuyến, tuy nhiên, nếu có phát hiện ra hành vi ghi âm, ghi hình của sinh viên đối với bài giảng của mình thì họ chỉ có khả năng xử lý đối với hành vi ghi hình mà không có cơ chế để xử lý hành vi ghi âm. Bởi lẽ, việc ghi hình bài giảng mà không xin phép là hành vi xâm phạm quyền nhân thân đối với hình ảnh của giảng viên theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong khi đó, đối với hành vi ghi âm, hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để giảng viên có thể ngăn cấm và xử lý đối với sinh viên khi họ thực hiện hành vi này. Thực tế cho thấy, khả năng kiểm soát đối với những hành vi vi phạm nêu trên hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức tự bảo vệ của giảng viên và các quy định mang tính hạn chế quyền ghi âm, ghi hình của người học trong bộ quy tắc ứng xử hoặc quy chế đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học. Điều này cũng đồng nghĩa với việc, nếu các cơ sở giáo dục đại học không có sự chuẩn bị, chủ động xây dựng quy chế pháp lý mang tính nội bộ để điều tiết hành vi ghi âm, ghi hình bài giảng thì sẽ không có cơ chế để bảo vệ giảng viên trước hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với bài giảng [14].

Ngoài ra, với sự phát triển của các ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là sự ra đời của ứng dụng ChatGPT, vấn đề xác định quyền tác giả đối với các nghiên cứu khoa học và vấn đề liêm chính học thuật trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học đang được đặt ra bức thiết cả về mặt thực tiễn và dưới góc độ pháp lý. Mặc dù, ChatGPT

chưa chính thức được triển khai tại Việt Nam, tuy nhiên, bằng những cách thức khác nhau, nhiều người Việt Nam đã tiếp cận và sử dụng phần mềm này. Ở Nga, đã có trường hợp sinh viên sử dụng ChatGPT hoàn thành luận văn tốt nghiệp đại học thì không loại trừ việc sinh viên của Việt Nam cũng sử dụng ChatGPT vì các mục đích tương tự. Câu hỏi được đặt ra trong những trường hợp này, tác giả của các “nghiên cứu” này là ai? Người sử dụng ChatGPT, ChatGPT hay cả hai là đồng tác giả? Trong khi, ChatGPT không thể tự định hình các câu hỏi, việc thiết lập mỗi câu hỏi khác nhau xuất phát từ ý tưởng và mục đích riêng của mỗi người sử dụng, do vậy, nếu không có nguồn câu hỏi của người sử dụng sẽ không có các kết quả trả lời mà ChatGPT đưa ra, do vậy, rất khó xác định ai mới là bên có quyền tác giả đối với các nội dung trả lời của ChatGPT. Hơn thế nữa, ngay cả khi xác định người sử dụng và ChatGPT cùng có quyền tác giả đối với các nội dung trả lời thì việc xác định hai chủ thể này là “đồng tác giả” cũng không phù hợp. Bởi lẽ, theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ thì “Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả” [12, Điều 12a], mà ChatGPT đương nhiên không thể là một “người” hiểu theo quy định này, do vậy, không thể là đồng tác giả với người sử dụng ChatGPT. Điều này còn đồng thời đặt ra vấn đề bảo đảm sự liêm chính trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Bởi lẽ, một khi người dạy, người học hay người nghiên cứu khoa học sử dụng kết quả của ChatGPT để làm luận văn, luận án, các bài tập nhóm hay thực hiện các nghiên cứu khoa học thì đây rõ ràng không phải là kết quả nghiên cứu của bản thân họ. Do vậy, có quan điểm cho rằng, nếu nhiều thập kỷ trước, vấn đề chính của các trường đại học là đạo văn và vay mượn không ngần ngại, thì giờ đây cộng đồng giáo dục đang phải đối mặt với một thách thức mới liên quan đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động khoa học và giáo dục [15].

### 3.4. Một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng thực hiện pháp luật về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

Có thể nói rằng, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở nước ta. Chính vì vậy, để chuyển đổi số trong quá trình giáo dục đào tạo có thể được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, thu được kết quả cao hơn nữa trong tương lai, đồng thời đảm bảo tối đa quyền, lợi ích hợp pháp,

chính đáng của người dạy, người học. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo ở nước ta. Cụ thể như sau:

- *Một là*, cần phải có quy định cụ thể về bảo vệ dữ liệu người học. Trước mắt trên cơ sở quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phải ban hành Thông tư quy định cụ thể cơ chế, biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân người học mà các cơ sở đào tạo là bên kiểm soát, xử lý dữ liệu. Trong đó, cần có quy định cụ thể về các dữ liệu cá nhân nào của người học được công khai, các dữ liệu cá nhân nào phải giữ bí mật, đặc biệt là quy định rõ ràng về trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong việc kiểm soát, xử lý dữ liệu cá nhân người học, trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân người học. Về lâu dài, cần phải tính đến việc xây dựng và ban hành một đạo luật riêng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điều này vừa góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt các quy định pháp lý cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời khắc phục được tình trạng quy định vừa trùng lặp vừa phân tán trong nhiều văn bản chuyên ngành. Trong đạo luật này, cần thống nhất cách hiểu của các thuật ngữ có nội hàm tương ứng với nội hàm của thuật ngữ “dữ liệu cá nhân” như đã trình bày ở trên, đồng thời, quy định rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể dữ liệu, chủ thể kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, quy định rõ hơn về các biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Với cách tiếp cận các vấn đề đặt ra từ sự đòi hỏi khách quan thực tiễn cuộc sống, sự cần thiết có một đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân dựa trên những nguyên tắc cốt lõi nhất định sẽ tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng, góp phần tích cực bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học trong bối cảnh chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ. Sau khi, đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành thì đến lượt mình, Bộ Giáo dục Đào tạo cần phải có những hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về bảo vệ dữ liệu cá nhân người học.
- *Hai là*, cần bổ sung các quy định về biện pháp chế tài với những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, bảo vệ dữ liệu cá nhân người học nói riêng. Như đã trình bày, cần phải bổ sung trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về biện pháp chế tài “bồi thường thiệt hại” đối với những thiệt hại mà chủ thể dữ liệu cá nhân phải gánh chịu từ hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân gây ra. Hơn thế nữa, có thể thấy

rằng các chế tài xử phạt vi phạm quyền về bí mật cá nhân tại Việt Nam là chưa tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm, chưa đảm bảo tính răn đe. Vì vậy, cần sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan để quy định những hình thức chế tài nghiêm khắc hơn, nhất là quy định về chế tài phạt vi phạm hành chính và bồi thường thiệt hại. Chỉ như vậy mới có thể hạn chế, phòng ngừa những hành vi xâm phạm bí mật cá nhân nói chung, xâm phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân người học nói riêng.

- *Ba là*, cần có một khuôn khổ pháp lý vững chắc và an toàn cho hoạt động giảng dạy của giảng viên nói chung cũng như vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với bài giảng của giảng viên nói riêng dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến. Pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành mặc dù đã quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng bài giảng, bài phát biểu, tuy nhiên, mới chỉ dừng lại ở mức độ ghi nhận và đưa ra một số nguyên tắc bảo hộ mà chưa xây dựng được những quy định cụ thể, phù hợp với đặc trưng, bản chất của loại tác phẩm đặc biệt này. Việc còn thiếu những quy định pháp luật điều chỉnh về vấn đề này là một trong những nguyên nhân làm gia tăng số lượng hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của sinh viên đối với bài giảng trực tuyến của giảng viên và Nhà trường. Chính vì vậy, pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với bài giảng của giảng viên nói riêng và người dạy nói chung là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu, đánh giá để từ đó xây dựng giải pháp hoàn thiện trong bối cảnh hiện nay. Về vấn đề này, tác giả đồng quan điểm với ý kiến cho rằng “cần bổ sung quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm bài giảng trong Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành theo hướng: Ghi nhận quyền của tác giả thực hiện bài giảng trong việc định hình tác phẩm tương tự như người biểu diễn đối với cuộc biểu diễn” [14]. Bởi lẽ, khi ghi nhận quyền của giảng viên khi thực hiện bài giảng tương tự như quyền của người biểu diễn đối với cuộc biểu diễn đồng nghĩa với việc tạo ra cơ chế để giảng viên có quyền quyết định việc tự mình hoặc cho phép chủ thể khác thực hiện việc định hình bài giảng (dưới dạng ghi âm hoặc/ và ghi hình). Trong trường hợp này, mọi hành vi ghi âm, ghi hình bài giảng mà chưa xin phép, thỏa thuận với giảng viên sẽ bị coi là hành vi vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ. Hay nói cách khác, trước khi thực hiện ghi âm, ghi hình bài giảng, sinh viên sẽ phải xin phép và chỉ khi được giảng viên đồng thuận, hành vi ghi âm, ghi hình bài giảng của sinh viên mới là hành vi hợp pháp. Trên cơ sở pháp lý

đó, giảng viên và Nhà trường sẽ có cơ chế để kiểm soát và xử lý hành vi ghi âm, ghi hình bài giảng mà không xin phép.

- *Bốn là*, suy cho cùng, các hành vi vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân người học, bảo vệ quyền tác giả đối với bài giảng của giảng viên, bảo đảm sự liêm chính học thuật trong giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học... trong bối cảnh chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo đều xuất phát từ ý thức pháp luật của con người. Chính vì vậy, để nâng cao ý thức pháp luật, cần phải có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung cũng như về quyền tác giả nói riêng bằng các hình thức khác nhau, giúp cả người dạy, người học và các nhà quản lý giáo dục nhận thức được tầm quan trọng của những khía cạnh pháp lý này. Ngoài ra, trong điều kiện chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục ở nước ta nói riêng đang có những bước chuyển mình nhanh chóng, hệ thống pháp luật luôn mang một độ trễ nhất định. Vì vậy chưa thể kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh chung thì các cơ sở đào tạo, cá nhân người dạy, người học phải nâng cao ý thức tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của bản thân mình. Đối với người học, cần hạn chế việc cung cấp thông tin, dữ liệu cá nhân rộng rãi trên mạng xã hội, các hình thức thu thập thông tin thông qua các cuộc khảo sát, các ứng dụng không rõ nguồn gốc và mục đích trên mạng Internet... Đối với người dạy, cần phải có tuyên bố rõ ràng những chuẩn tắc trong hành vi ứng xử của sinh viên, học sinh, học viên trong giờ học của mình, đặc biệt là việc ghi âm, ghi hình bài giảng. Trong khi đó, các cơ sở đào tạo cần phải xây dựng bộ quy tắc ứng xử hoặc quy chế giảng dạy, học tập nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc ghi nhận, bảo vệ dữ liệu cá nhân người học, bảo vệ quyền tác giả của giảng viên, cơ sở đào tạo để vừa bảo đảm phòng ngừa, răn đe hành vi vi phạm, vừa xử lý một cách hiệu quả đối với hành vi vi phạm. Một khi, ý thức tự giác chấp hành pháp luật, ý thức tự bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của bản thân được nâng cao thì các hành vi vi phạm pháp luật tất yếu sẽ được giảm thiểu, nhờ vậy, quyền lợi chính đáng của người dạy, người học và các cơ sở đào tạo được duy trì.

#### 4. KẾT LUẬN

Việc chuyển đổi số trong giáo dục đã và đang tác động tích cực, mang lại hiệu quả cao trong quản lý,



dạy học, kiểm tra và đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo đà cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia mà Đảng và Nhà nước ta đã định hướng, lựa chọn. Chuyển đổi số trong giáo dục thực sự đã trở thành chìa khóa hữu hiệu để nước ta thực hiện các mục tiêu giáo dục quốc gia trong những điều kiện, hoàn cảnh mới và trong tiến trình phát triển nói chung của quốc gia. Chuyển đổi số giúp hoàn thiện các khâu của quá trình giáo dục và đưa giáo dục Việt Nam hội nhập

với giáo dục thế giới. Chuyển đổi số thành công sẽ tạo ra bước đột phá trong quản lý, điều hành, tổ chức, cũng như trong nâng cao chất lượng giáo dục, tạo ra một hệ thống mở, linh hoạt, tạo điều kiện thực hiện chiến lược học tập suốt đời một cách hiệu quả hơn. Trong các giải pháp khác nhau để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, việc nhận diện những vấn đề pháp lý có liên quan và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục là việc làm có ý nghĩa thiết thực.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Thông tin và Truyền thông, *Cẩm nang chuyển đổi số*, Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, 2020.
- [2] Ban chấp hành trung ương khóa XI, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo*, 2013.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”*, 2017.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, 2020.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*, 2021.
- [6] Bộ Giáo dục - Đào tạo (2016), *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*, 2016.
- [7] Bộ Giáo dục - Đào tạo (2017), *Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học*, 2017.
- [8] Bộ Giáo dục - Đào tạo (2021), *Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo*, 2021.
- [9] Bùi Thị Huế - Bùi Đức Thịnh – Vũ Thị Tuyết Lan, “Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Thông tin và truyền thông*, số 2, tháng 4/2020.
- [10] Chính phủ, *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân*.
- [11] Bạch Thị Nhã Nam, “Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 05 (453), tháng 03/2022.
- [12] Quốc hội, *Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022)*.
- [13] Nguyễn Chí Trung, “Nhận thức của sinh viên về vấn đề bản quyền tiếp cận từ góc độ tài nguyên giáo dục mở”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 3/2018, tr. 29-33.
- [14] Đỗ Phương Thảo, “Pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với bài giảng của giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học”, [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://hcmussh.edu.vn/news/item/22123?> [Truy cập ngày 18/6/2023].
- [15] Quan điểm của Đại học nhân văn quốc gia Nga trong vụ bê bối luận văn tốt nghiệp được bảo vệ thành công mặc dù được viết bởi ChatGPT, [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://laodong.vn/the-gioi/be-boi-chatgpt-viet-luan-van-tot-nghiep-tai-truong-dai-hoc-nga-1143631.ldo>. [Truy cập ngày 20/6/2023].

# The current law on digital transformation in education in Vietnam

Pham Hai Son

## ABSTRACT

*In the context of the current development of digital knowledge, the global digital economy in general, and Vietnam in particular, digital transformation in education and training is an inevitable trend. Over the years, our Party and State have promulgated many documents to implement digital transformation related to education and training. However, most of these regulations are general and directional rules rather than providing specific and detailed solutions that contribute to limiting obstacles and inadequacies when implementing digital transformation in education and training. In this article, the author will systematize the legal regulations on digital transformation in education and training, point out the shortcomings when implementing laws on education and training's digital transformation, and propose recommendations to improve relevant laws.*

**Keywords:** *Digital transformation, education and training, legal on digital transformation*

---

Received: 18/05/2023

Revised: 18/07/2023

Accepted for publication: 20/07/2023